

Bản án số: 168/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2023
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn, bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 495/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 519/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 502/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Diễm H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn yêu cầu vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số D, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đoàn Thị Diễm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Đoàn Thị Diễm H và ông Nguyễn Văn Đ tự quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 175/2011, ngày 30/07/2011 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang chứng nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn ông Đ.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng bà H và ông Đ có một con chung tên Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 31/05/2011. Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng với ông Đ nên bà H đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị Diễm H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của đương sự tại phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn ông Đ vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ ông phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

Về hôn nhân và gia đình: Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân của bà H và ông Đ nhưng ông Đ vắng mặt, không có ý kiến trình bày, bà H cương quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa ông bà đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà Đoàn Thị Diễm H và ông Nguyễn Văn Đ có một con chung tên Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 31/05/2011, hiện ông Đ đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T tốt, có nơi sinh sống và học tập, cháu T có nguyện vọng tiếp tục được sống với ông Đ nên giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng: ông Đ không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Diễm H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Giao con chung cho

ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đoàn Thị Diễm H và ông Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn theo giấy trích chứng nhận kết hôn số: 175/2011 ngày 30/07/2023 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang chứng nhận. Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ; ông Đ cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà H và ông Đ là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa bà Đoàn Thị Diễm H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Đ vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Đoàn Thị Diễm H và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 175/2011, ngày 30/07/2011, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, bà H và ông Đ phát sinh mâu thuẫn, bà H xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trong quan hệ hôn nhân và gia đình của bà H và ông Đ sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm, yêu thương, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Trong thời gian giải quyết bà H luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, nên ông yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

[5] Xét, hôn nhân giữa bà H và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, thực hiện các công việc trong gia đình, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà H không còn tình cảm với ông Đ, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông Đ vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H tức là ông đã từ

bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà **H** được ly hôn với ông **Đ**.

[6] Về quan hệ con chung: Bà **Đoàn Thị Diễm H** và ông **Nguyễn Văn Đ** có một con chung tên **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh ngày 31/05/2011, hiện đang sống cùng với ông **Đ**. Bà **H** đồng ý giao cho con ông **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông **Đ** không có ý kiến tranh chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy con chung đang sống chung với ông **Đ**, được ông chăm sóc tốt, có nơi ở ổn định, được học tập tại nơi cư trú, nên cần thiết giao con chung cho ông **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, ông **Đ** được trực tiếp tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên **Nguyễn Thị Ánh T**. Bà **H** không cấp dưỡng nuôi con chung, do ông **Đ** không yêu cầu, nên không xét đến, nếu có tranh chấp sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Đoàn Thị Diễm H** và ông **Nguyễn Văn Đ** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà **H1** tiền án phí 300.000đ, trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0002274, ngày 29 tháng 09 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, bà **H2** nộp đủ, ông **Đ** không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 8, 9, 19, 51, 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, 238, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đoàn Thị Diễm H** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn Đ**.

Về quan hệ con chung: Bà **Đoàn Thị Diễm H** và ông **Nguyễn Văn Đ** có một con chung tên **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh ngày 31/05/2011. Ông **Nguyễn Văn Đ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh ngày 31/05/2011. Bà **H** không cấp dưỡng nuôi con chung do ông **Đ** không

yêu cầu. Ông Đ phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Diễm H nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002274 ngày 29/09/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Đoàn Thị Diễm H và ông Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà H, ông Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương